

BÁO CÁO
**Công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước Quý I năm 2018**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo công khai số liệu (chi tiết tại các biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2018, cụ thể như sau:

I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 03 tháng đầu năm 2018 là 671.263 triệu đồng, đạt 37% dự toán Trung ương, 34% dự toán địa phương và tăng 59% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 624.599 triệu đồng, đạt 36% dự toán Trung ương, 33% dự toán địa phương, tăng 62% so với cùng kỳ năm 2017.

Một số khoản thu tăng cao so với cùng kỳ năm trước, vượt tiến độ thực hiện so với dự toán giao đầu năm, cụ thể như: Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 41.503 triệu đồng, đạt 593% dự toán Trung ương, 437% dự toán địa phương, tăng 4.847% so với cùng kỳ năm trước; Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 152.002 triệu đồng, đạt 32% dự toán Trung ương, 34% dự toán địa phương, tăng 56% so với cùng kỳ năm trước; Thu phí, lệ phí 41.380 triệu đồng, đạt 41% dự toán Trung ương, 40% dự toán địa phương, tăng 52% so với cùng kỳ năm trước; Thu tiền sử dụng đất 85.199 triệu đồng, đạt 57% dự toán Trung ương, 43% dự toán địa phương, tăng 137% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu xuất nhập khẩu 44.861 triệu đồng, đạt 39% so với dự toán giao, tăng 42% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

3. Thu huy động đóng góp là 1.803 triệu đồng, đạt 19% dự toán, bằng 35% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 03 tháng đầu năm 2018 tương đối khả quan. Nguyên nhân chủ yếu là do tình hình sản xuất kinh doanh và thời tiết,... diễn biến thuận lợi, thể hiện cụ thể qua sự đóng góp của các sắc thuế cơ bản như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên đạt trung bình từ 30% đến 39% dự toán giao đầu năm; thuế xuất khẩu tăng mạnh do năm 2018 nhà máy Alumin Nhân Cơ bắt đầu đi vào vận hành ổn định.

III. Chi ngân sách địa phương (NSDP): (Chi tiết như Biểu số 61/CK-NSNN)

Tổng chi NSDP thực hiện 03 tháng đầu năm 2018 là 1.235.110 triệu đồng, đạt 19% dự toán, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 225.656 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên 949.219 triệu đồng. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 358.701 triệu đồng, đạt 21% dự toán, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước; Chi khoa học và công nghệ là 10.297 triệu đồng, đạt 81% dự toán, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước; Chi bảo vệ môi trường là 10.652 triệu đồng, đạt 28% dự toán, giảm 11% so với cùng kỳ năm trước.

3. Chi từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương là 60.235 triệu đồng.

* Nhìn chung chi NSDP 03 tháng đầu năm 2018 được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo kịp thời thực hiện các nhiệm vụ, chính trị được giao, triệt để tiết kiệm, tập trung nguồn lực để trả nợ vay, tăng chi đầu tư phát triển.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2018 của tỉnh Đắk Nông./

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã;
- Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH (Va).

06

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bốn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018
(Kèm theo Thông báo số 45/BC-UBND ngày 13/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 03 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	6.336.848	2.078.662	33	207
I	Thu cân đối NSDP	1.515.500	597.220	39	171
1	Thu nội địa	1.515.500	595.417	39	173
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
II	Thu huy động đóng góp	-	1.803		35
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	10.000	140.765	1.408	137
IV	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		115		11
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.811.348	1.338.759	28	246
B	TỔNG CHI NSDP	6.459.317	1.235.110	19	94
I	Chi cân đối NSDP	4.707.684	1.174.875	25	89
1	Chi đầu tư phát triển	637.377	225.656	35	47
2	Chi thường xuyên	3.888.127	949.219	24	113
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	400		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	-	-	
5	Dự phòng ngân sách	94.776	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	86.004		-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.751.633	60.235	3	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	91.312		-	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	91.312		-	



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2018
(Kèm theo Thông báo số 45 /BC-UBND ngày 13/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018 TW GIAO	DỰ TOÁN NĂM 2018 ĐP GIAO	THỰC HIỆN 03 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)		
					DỰ TOÁN TW	DỰ TOÁN ĐP	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4	5	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.835.000	2.000.000	671.263	37	34	159
I	Thu nội địa	1.719.000	1.874.694	624.599	36	33	162
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	420.000	535.000	144.121	34	27	153
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	35.000	35.000	10.928	31	31	153
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	7.000	9.500	41.503	593	437	4.947
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	476.000	448.300	152.002	32	34	156
5	Thuế thu nhập cá nhân	135.000	128.000	39.755	29	31	117
6	Thuế bảo vệ môi trường	105.000	112.000	26.031	25	23	176
7	Lệ phí trước bạ	130.000	110.900	29.162	22	26	128
8	Các loại phí, lệ phí	100.000	102.500	41.380	41	40	152
9	Các khoản thu về nhà, đất	168.000	218.000	88.420	53	41	202
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-			-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			37			109
-	Thu tiền sử dụng đất	150.000	200.000	85.199	57	43	237
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	18.000	18.000	2.693	15	15	35
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN			491			
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	32.000	70.300	25.490	80	36	99
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	-	-	2.606			
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	19.000	19.000	4.214	22	22	106
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	2.000	2.000	-	-	-	
14	Thu khác ngân sách	90.000	84.194	18.987	21	23	135
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	116.000	116.000	44.861	39	39	142
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	50.000	50.000	15.054	30	30	85
2	Thuế xuất khẩu	65.000	65.000	29.570	45	45	213
3	Thuế nhập khẩu	1.000	1.000	203	20	20	580
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác			34			
IV	Thu viện trợ						
V	Thu huy động đóng góp		9.306	1.803		19	35
B	THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.515.500	1.719.974	595.417	39	35	173
1	Từ các khoản thu phân chia	791.300	775.830	274.234	35	35	159
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	724.200	944.144	321.183	44	34	188



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018
(Kèm theo Thông báo số **45**/BC-UBND ngày **13**/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 03 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NSĐP	6.459.317	1.235.110	19	94
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	4.707.684	1.174.875	25	89
I	Chi đầu tư phát triển	637.377	225.656	35	47
1	Chi đầu tư cho các dự án				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	3.888.127	949.219	24	113
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.696.150	358.701	21	108
2	Chi khoa học và công nghệ	12.710	10.297	81	101
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		110.316		198
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		13.253		99
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		7.232		100
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		1.847		105
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	37.775	10.652	28	89
8	Chi sự nghiệp kinh tế		68.187		85
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		209.670		96
10	Chi bảo đảm xã hội		34.388		64
III	Chi trả lãi các khoản vay	400		-	
IV	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	86.004		-	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		-	
VI	Dự phòng ngân sách	94.776		-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	1.751.633	60.235	3	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	117.548	-	-	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.411.136	10.500	1	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	222.949	49.735	22	